

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẶNG KINH
TẬP 170

**GHI CHÉP VỀ
GIÁO VÀ HẠNH CỦA
TÔN GIẢ TỨ MINH**

SỐ 1937
(QUYỂN 1 → 7)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1937

GHI CHÉP VỀ GIÁO VÀ HẠNH CỦA TÔN GIẢ TỨ MINH

Sa-môn Tông Hiếu ở Thạch Chi thuộc Tứ Minh biên tập.

QUYỂN 1

LỜI TỰA

Đại sư Trí Giả thuộc tông Thiên Thai, ở giữa hai nước Trần và Tùy, Ngài ngộ Toàn Đà-la-ni của Kinh Pháp Hoa, nối pháp tông pháp tánh, dùng biện tài vô ngại mà phân chia giáo pháp của các Đức Phật trong ba đời, khai sáng Giáo quán tông, đến nay mọi người vẫn còn vậy theo. Ngoài ra Ngài còn đặt các pháp sám hối, cùng những bài văn khắc trên bia mà hai triều vua đã sắc phong, đệ tử Ngài là Thiền sư Chương An bèn tập hợp lại thành sách, đặt tên là “Quốc Thanh Bách Lục”, đặc biệt được Hoàng đế Nhân Tông cho phép đưa và Đại tạng, cùng lưu hành với Kinh Phật, hầu như không còn bỏ sót. Tổ sư của chúng ta mở mang đạo pháp khắp sáu mươi châu, hưng thịnh vào đời Tùy, Đường và suy yếu vào thời Ngũ đại, nhưng pháp thì không có lúc kết thúc, người học theo thì được lợi ích, như chùa Thiên Phước ở Thạch Phổ có Pháp sư Nghĩa Thông, Ngài đến từ Cao ly. Đi về phía Nam tham vấn ngài Loa Khê, tức Pháp sư Hy Tịch ở viện Loa Khê của tông Thiên Thai, Ngài đã thông đạt đạo pháp của tông Thiên Thai, và muốn đi mở mang, Đại sư Tiên Công Duy Trì cố lưu giữ lại, và sửa nhà thành chùa lấy tên là Bảo Vân để Sư ở, từ đây đạo tràng hưng thịnh, có hai vị Đại sư có đại thần túc, một là sư Pháp Trí, húy là Trí Lễ, hai là sư Từ Vân, húy là

Tôn Thức, Đại sư Pháp Trí lập đạo tràng tại Diên Khánh, mở mang giáo pháp này, thời ấy tôn xưng là Tư Minh Tôn giả, Đại sư Từ Vân lập đạo tràng Linh Sơn, người đời gọi là Thiên Trúc sám chủ.

Ngài Từ Vân sinh vào niên hiệu Càn Đức năm thứ hai, tịch vào niên hiệu Minh Đạo năm đầu, thọ một trăm hai mươi tuổi, người cháu năm đời thành lập Kim Viên và truyền bá ở đời.

Sư Pháp Trí sinh vào niên hiệu Kiến Long năm đầu, tịch vào niên hiệu Thiên Thánh năm thứ sáu, cách nay đã hơn một trăm bảy chục năm rồi. Những bài văn do Ngài soạn hoặc ghi chép có hơn ba mươi muôn lời, người đọc đều vâng theo, ngoài ra có một số chương cú giải thích các nghi vấn cho các nhà Nho đến thăm hỏi nhưng đã bị mất hết. Than ôi! Sư nhất tâm giảng sám giữ gìn trong bốn mươi năm, lưng không dính chiếu, những người thích hợp cơ duyên mà thấm nhuần công đức của Ngài thật không thể đếm hết, dấu tách hết gỗ đá, biên chép trên che lụa, cũng chỉ là một trong ngàn muôn mà thôi.

Tông Hiếu tôi là kẻ hậu học không được như Sư, chỉ là học trò trường làng, trộm xem những lời dạy của Sư, tuy là một lời một chữ, mà tất cả đều là pháp của Phật, há lại để cho tùy ý lẫn lộn hoặc mai một hay sao? Thế nên dốc lòng tìm cầu, và chỉ được hơn một trăm bài, lại phân chia theo loại thành bảy quyển, lấy tên là: “Tư Minh Tôn giả giáo hạnh lục”. Tư Minh là tên do người tôn trọng Ngài mà gọi, bởi lúc sống Ngài đã đắc đạo và giáo hóa mọi người, cho nên gọi như vậy. Môn đồ của tông Thiên Thai ai cũng y giáo lập hạnh, dùng hạnh hiểu giáo, ngõ hầu giáo và hạnh cùng thành tựu trên đường tu. Sư thường dạy đại chúng rằng: Ta dù đi hoặc ở, hoặc nói hoặc im lặng, đều dùng ý chỉ của giáo quán làm khuôn phép. Thế nên nay dùng chữ giáo hạnh để đặt tên, đây cũng là chí của Tôn giả.

Lớn lao thay! Bản văn này đã hoàn thành, nguyện cùng với tập “Quốc Thanh Bách Lục” và “Thiên Trúc Kim Viên” đứng vững như đảnh ba chân, truyền bá đến đời sau, tiếp nối đạo Tổ. Nếu như có chỗ nào thiếu sót, mong bậc hiền triết đời sau hãy thấy nghe được gì thì thêm vào, đó là điều tốt đẹp.

Tháng 12 năm Nhâm tuất niên hiệu Gia Thái năm thứ hai, Tỳ-kheo Tông Hiếu kính ghi lời tựa.

NIÊN PHÓ VỀ TÔN GIẢ

Hoàng đế Thái Tổ đời Tống lúc mới lên ngôi đã đổi niên hiệu Hiển Đức năm thứ bảy đời Chu Thành niên hiệu Kiến Long, năm đầu

là Canh thân, tháng giêng năm này, Thái Tổ được vua nhà Chu truyền ngôi, nay xét theo bài minh trên tháp và tập “Toàn Thập Lục” của các môn đồ thì Sư thọ được sáu mươi chín tuổi, thị tịch vào năm Mậu thìn. Nếu dựa theo tập “Hạnh Nghiệp Ký” do Thành Hiến Công đời Triệu soạn thì Sư thị tịch vào niên hiệu Thiên Thánh năm thứ năm, tức là lằm. Nay đi ngược lại từ năm Giáp tý, thì đúng là sự sinh vào năm Canh thân, tức năm Thái Tổ lên ngôi, há chẳng phải là bậc chân nhân ứng vận thì hiền triết giáng sinh sao.

Sư tên húy là Trí Lễ, tự là Ước Ngôn, Hoàng đế Chân Tông ban hiệu là Pháp Trí Đại sư, thời ấy xưng là Tư Minh Tôn giả, mang họ Kim là dòng dõi của Kim Nhật Ngạc (sách Tây Hán chép: Kim Nhật Ngạc là con của vua Hưu Đồ nước Hung Nô. Di Địch mất nước, bị bắt theo nhà Hán mà rất trung thành hiếu kính, bảy đời làm nội thị. Nhà Hán vốn cho rằng Hưu Đồ là người Kim cho nên ban họ là Kim), đời sau là người ở huyện Ngân, cha Sư tên là húy là Kinh, mẹ là họ Lý, ban đầu vì chưa có con nối dõi nên thành tâm cầu Phật. Một đêm bỗng nằm mộng thấy có vị tăng dắt đứa bé đến nói rằng: đây là La-hầu-la. Sau đó sinh ra Sư và lấy đó để đặt tên.

Năm thứ hai là năm Tân Dậu, năm thứ ba là năm Nhâm Tuất, niên hiệu Càn Đức năm đầu tức năm Quý Hợi, năm thứ hai là năm Giáp Tý, năm thứ ba là năm Ất Sửu. Năm thứ tư là năm Bính Dần, lúc này Sư được bảy tuổi bài minh trên tháp viết: năm lên bảy thì Sư mất mẹ, nghĩ đến công sinh dưỡng không dễ gì báo đáp, nên Sư khóc mãi không thôi, do đây mà nhàm chán thế gian, muốn đi xuất gia. Cha của Sư lấy làm lạ nên không ngăn cản ý chí của Sư, sau đó Sư đến chùa Thái Bình Hưng Quốc làm đệ tử vị tăng tên là Hồng Soạn. Trong bài tựa của tập Thiên Trúc Chỉ Yếu Sao chép: “Sư lúc nhỏ vừa đọc kinh liền đã suy nghĩ ý nghĩa, căn tánh đặc biệt, chẳng phải là căn tánh bậc thượng sao?”

Năm thứ năm là năm Đinh Mão, năm thứ sáu là năm Mậu thìn, năm này đổi niên hiệu là Khai Bảo năm thứ nhất, năm thứ hai là năm Kỷ tỵ, năm thứ ba là năm Canh ngọ, năm thứ tư là năm Tân mùi, năm thứ năm là năm Nhâm thân, năm thứ sáu là năm Quý dậu.

Năm thứ bảy là năm Giáp tuất, bấy giờ Sư được mười lăm tuổi, bài minh trên tháp viết: năm mười lăm tuổi Sư thọ giới cụ túc, chuyên nghiên cứu về luật.

Năm thứ tám là năm Ất hợi, năm thứ chín là năm Bính tý, năm nay Hoàng đế Thái Tông mới lên ngôi, đổi niên hiệu là Thái Bình Hưng Quốc năm thứ nhất.

Năm thứ hai là năm Đinh Sửu, năm thứ ba là năm Mậu Dần, năm thứ tư là năm Kỷ Mão, lúc này Sư đã hai mươi tuổi. Tập Hành Nghiệp Ký chép: năm hai mươi tuổi Sư rời quê hương đến Pháp sư Thông ở Bảo Vân và được truyền dạy về ý nghĩa của tông Thiên Thai, mới ba ngày vị Thủ tọa bảo Sư rằng: pháp giới thứ lớp ông phải hành trì.

Sư hỏi: thế nào là pháp giới?

Đáp: Đại tổng pháp tướng, viên dung vô ngại.

Sư nói: đã là viên dung vô ngại thì sao có thứ lớp.

Vị Thủ tọa không trả lời được, Sư ở lại đây một tháng, tự giảng Kinh Bát Nhã, mọi người đều kinh ngạc và cung kính truyền tụng.

Năm thứ năm là năm Canh Thìn, Tập Bảo Lục chép: Sư ở lại chùa Bảo Vân hai năm, cha Sư bỗng nhiên mộng thấy Sư quỳ trước Pháp sư Thông, Pháp sư cầm bình nước rót vào miệng và Sư liền đốn ngộ ý chỉ.

Năm thứ sáu là năm Tân Tỵ, bấy giờ Sư hai mươi hai tuổi, Tập Hành Nghiệp Ký chép: Sư ở lại chùa Bảo Vân đến ba năm, thường thay thế Pháp sư Thông giảng kinh, đọc đến đâu thì hiểu nghĩa đến đó và càng mở rộng sự học của mình.

Năm thứ bảy là năm Nhâm Ngọ, năm thứ tám là năm Quý Mùi, năm Giáp Thân thì đổi niên hiệu là Ung Hy năm thứ nhất, năm thứ hai là năm Ất Dậu, năm thứ ba là năm Bính Tuất, năm thứ tư là năm Đinh Hợi.

Năm Mậu Tý đổi niên hiệu là Đoan Cung năm thứ nhất, lúc này Sư ở chùa Bảo Vân đã mười năm, và đúng lúc Pháp sư Thông viên tịch. Thạch Thập Ký chép: “Pháp sư Thông thọ sáu mươi hai tuổi, tịch vào niên hiệu Đoan Cung năm đầu, đệ tử là Trí Lễ và Tuân Thức cùng kính tếc bậc cao minh”.

Năm thứ hai là năm Kỷ Sửu, năm thứ ba là năm Canh Dần, năm này đã đổi niên hiệu là Thuần Hóa năm thứ nhất, năm thứ hai là năm Tân Mão, lúc này Sư ba mươi hai tuổi và ở đây đang tuyển chọn vị trụ trì. Tập Bảo Lục chép: Năm Tân Mão thuộc niên hiệu Thuần Hóa. Sư nhận lời mời và trụ chùa Càn Phù, trải qua bốn lần cúng tế, Sư trụ viện Bảo Ân.

Tập Giới Thệ Từ chép: ta ở chùa Bảo Vân đã gặp chim hạc, bắt đầu dời đến viện nhỏ Tây Thiên chùa Càn Phù (chùa Càn Phù sau đổi thành chùa Thừa Thiên, nay là chùa Năng Nhân, viện nhỏ Tây Thiên nay là viện Pháp Hoa). Ở đây có chỗ ngủ mà không có chỗ thờ, học chúng đến ở cũng không đủ chỗ cho mười người, thật không thích hợp

lâu dài, Sư bèn dời đến góc phía Nam thành Đông. Bài tựa Tập Chỉ Yếu chép: Sư ở Càn Phù giảng pháp, mọi người vui vẻ vâng theo, như các dòng nước chảy về biển.

Năm thứ ba là năm Nhâm thìn, năm thứ tư là năm Quý ty, năm thứ năm là năm Giáp ngọ, năm Ất mùi thì đổi niên hiệu là Chí Đạo năm thứ nhất.

Năm thứ hai là năm Bính thân. Tập Sử Thiếp chép: Tháng bảy niên hiệu Chí Đạo năm thứ hai, vị chủ viện là Lãng Hiển Thông giao phó viện Bảo Ân cho ngài Trí Lễ, từ đây làm trụ trì ngôi thường trụ, truyền bá giáo pháp tông Thiên Thai.

Tập Giới Thệ từ chép: vào mùa thu năm Bính thân thì viện đã hư hại nhiều, trải qua hơn mười năm sửa sang, đến năm Kỷ dậu thì hoàn thành, Thạch Công ghi lại sự việc khắc vào bia đá, cho đến năm Nhâm tý thì đã yên ổn cho mọi người đến học, ròng rã suốt mười bảy năm.

Năm thứ ba là năm Đinh dậu. Tập Bảo Ân Viện Ký chép: viện này xây dựng đã lâu, ngày càng hư hại nhiều. Đến niên hiệu Chí Đạo thứ ba bắt đầu sửa sang, có vị tăng là Giác Viên cũng phát tâm giúp sức lo liệu. Trải qua mấy năm mới hoàn thành. Điện Phật ở phía trước, nhà Tăng ở phía sau, tất cả đều sáng sủa đẹp đẽ, bên phải có chỗ để kinh và bên trái là phượng trưng, tiện lợi cho việc sinh hoạt.

Năm Mậu tuất, Hoàng đế Chân Tông lên ngôi, đổi niên hiệu là Hàm Bình năm thứ nhất.

Năm thứ hai là năm Kỷ hợi, bấy giờ Sư được bốn mươi tuổi, Tập Bảo Lục chép: Từ niên hiệu Hàm Bình năm thứ hai về sau, Sư chỉ chú trọng về sám hối, ngôi mãi không nằm, chân không bước ra ngoài, những người muốn đến thăm hỏi Sư đều không tiếp.

Năm thứ ba là năm Canh tý, năm này gặp hạn hán lớn, Sư và ngài Thiên Trúc sám chủ cầu mưa và có được cảm ứng. Tập Hành Nghiệp ký chép: năm hạn hán, Sư và ngài Tuân Thức cùng thực hành Quang Minh sám để cầu mưa trong ba ngày, nếu trời không mưa thì sẽ đốt một cánh tay để cúng Phật. Chưa hết thời hạn thì trời đã mưa lớn.

Tập Từ Vân Hành Nghiệp Ký chép: niên hiệu Hàm Bình năm thứ ba, vùng Tứ Minh gặp hạn hán, Sư phát nguyện sám hối cầu mưa trong ba ngày, nếu không mưa sẽ tự thiêu cánh tay, quả nhiên lời nguyện của Sư có cảm ứng và trời đã mưa. Thái thú quận ấy lấy làm lạ và khắc vào bia đá chuyện này.

Năm thứ tư là năm Tân sửu, năm thứ năm là năm Nhâm dần, năm thứ sáu là năm Quý mão, năm này Quốc sư nước Nhật Bản phái tăng

đến vấn nạn. Bài tựa ghép: năm Quý mao, niên hiệu Hàm Bình năm thứ sáu, vị tăng Nhật Bản là Tịch Chiếu đến hỏi Sư về hai mươi bảy điều khác nhau trong giáo môn Thiên Thai, Sư đã dựa vào giáp pháp mà lược đáp.

Năm Giáp Thìn, niên hiệu Cảnh Đức năm thứ nhất, bấy giờ Sư được bốn mươi lăm tuổi đã sáng tác tập “Thập Bát Nhị Môn Chỉ Yếu Sao”. Lời tựa có chép: Ngày mùng chín tháng giêng năm Giáp Thìn, niên hiệu Cảnh Đức thứ nhất.

Năm thứ hai là năm Ất Tỵ, năm thứ ba là năm Bính Ngọ, năm này Sư đến tham vấn ngài Thiện Công. Bài tựa chép: Tháng mười hai niên hiệu Cảnh Đức năm thứ ba, Trí Lễ cung kính với tâm vì pháp mà tham vấn Thiết Dương Thiệu thượng nhân.

Năm thứ tư là năm Đinh Mùi, bài tựa chép: niên hiệu Cảnh Đức năm thứ tư, Tỳ-kheo Trí Lễ cung kính với tâm vì pháp mà hỏi nghĩa với Triết Dương Thiệu thượng nhân.

Năm Mậu Thân đổi niên hiệu là Tường Phù năm thứ nhất, năm thứ hai là năm Kỷ Dậu, bấy giờ Sư đã năm mươi tuổi, đã xây dựng xong và khánh thành viện Bảo Ân. Tập Giới Thệ Từ chép: Viện hoàn thành vào năm Kỷ Dậu. Thạch Công ghi lại sự việc.

Năm thứ ba là năm Canh Tuất, năm này vâng theo thánh chỉ mà đổi tên viện Bảo Ân thành Diên Khánh. Viện Bảo Ân xây dựng vào niên hiệu Quảng Thuận năm thứ hai đời Chu, đến niên hiệu năm thứ ba thời Hoàng Triều thì đổi tên là Diên Khánh, niên hiệu Thiệu Hưng năm thứ mười bốn đổi viện thành chùa. Tập Sử chép: Tháng bảy niên hiệu Tường Phù năm thứ ba, vị tăng là Trí Lễ dâng bản tấu xin đổi viện thành chùa, truyền bá giáp pháp Thiên Thai và đến tháng mười thì được chuẩn tấu. Năm thứ tư là năm Tân Hợi, năm thứ năm là năm Nhâm Tý, năm thứ sáu là năm Quý Sửu, ngày mười lăm tháng hai năm này sáng lập hội niệm Phật, truyền giới. Tháng mười niên hiệu Tường Phù, Sư tự thân sáng tác số văn, để giáo hóa mọi người, trải qua một trăm chín mươi năm mà không bỏ phế, từ xưa đến nay số người được giáo hóa nhiều không thể biết hết.

Năm thứ bảy là năm Giáp Dần, bấy giờ Sư sáng tác tập “Quán Kinh Dung Tâm Giải”, cuối lời tựa có ghi rằng: Ngày mùng chín tháng chín năm Giáp Dần, niên hiệu Tường Phù năm thứ bảy.

Năm thứ tám là năm Ất Mão, năm thứ chín là năm Bính Thìn, năm này Sư được năm mươi bảy tuổi. Tập Thập Lục chép: năm năm mươi bảy tuổi, Sư phát nguyện tu Pháp Hoa sám, ba năm viên mãn thì đốt

thân cúng dường kinh, nguyện sinh Tịnh độ.

Niên hiệu là Thiên hỷ năm này thứ nhất là năm Đinh ty. Bài minh trên tháp chép: niên hiệu Thiên Hỷ năm đầu năm này Sư tuổi đã cao, bèn dạy các đệ tử rằng: người xưa vì muốn nghe nửa bài kệ mà chịu mất thân, vì một câu mà gieo mình vào lửa, tâm cầu pháp của bậc thánh là như vậy, nay ta không thể biếng nhác để hai tổn thân mạng. Rồi Sư tập hợp mười vị tăng, cùng tu Pháp Hoa sám trong ba năm, khi viên mãn thì đều đốt thân. Bấy giờ, Hàn Lâm học sĩ là Dương Úc và Phò mã đô úy là Lý Tuân Cao, đều là quan võ đương triều, rất kính mến đạo hạnh của Sư và mong thấm nhuần ơn giáo hóa, bèn tâu lên vua và sự được ban cà-sa màu tía. Sau đó, Dương Công gửi thư đến tha thiết mời Sư trụ thế, do đây mà hạnh nguyện không thể thực hiện.

Năm thứ hai là năm Mậu ngọc, năm thứ ba là năm Kỷ mùi, năm thứ tư là năm Canh dần. Tập Thập Lục chép: Niên hiệu Thiên Hỷ năm thứ tư, Phò mã là Lý Tuân Cao dâng Tập Hành Thập Lục lên vua và vua ban cho Sư hiệu là Pháp Trí. Năm này các vị tăng ở kinh thành gồm hai mươi ba vị, mỗi vị làm một bài thơ tặng Sư, và sau đó viết lời tựa khắc vào bản đá, bên bài thơ ghi rằng: Ngày ba mươi tháng chín năm Canh thân.

Năm thứ năm là năm Tân dậu, bấy giờ được sáu mươi hai tuổi, năm này triều đình ban lệnh tu pháp sám hối. Tập Hành Nghiệp Ký chép: Hoàng đế Chân Tông nghe danh tiếng Sư, bèn sai Trung Quý đến chỗ Sư ở và ban lệnh tu Pháp Hoa sám, vua sẽ ban lời tựa. Lúc này có Du Tử muốn hiểu biết về chỉ thú của sám pháp nên Sư chỉ dạy, và Sư đã soạn tập Biệt Hành Huyền Sơ Ký, trên đề ghi rằng: tháng 08 niên hiệu Thiên Hỷ năm thứ năm. Và Sư cũng có soạn tập Quán Kính Diệu Tông Sao, trên đề ghi: niên hiệu Thiên Hỷ ngày mùng chín tháng chín năm thứ năm.

Niên hiệu là Càn Hưng thứ nhất là năm Nhâm tuất, năm thứ hai là năm Quý hợi, năm này Hoàng đế Nhân Tông lên ngôi, đổi niên hiệu là Thiên Thánh năm thứ nhất, năm này Sư sáng tác tập: Quang Minh Thập Di Ký, lời tựa ghi: Ngày ba mươi tháng tư niên hiệu Thiên Thánh năm thứ nhất. Sư lại vì Phan Truân Điền mà soạn tập Mộng Ngự, lại soạn bốn mươi hai chương để để khảo thí các học trò, và trả lời mười câu hỏi Phật pháp về Thiên Tông.

Năm thứ hai là năm Giáp tý, năm thứ ba là năm Ất sửu, vào thời Hoàng đế Chân Tông niên hiệu Thiên Hỷ có ban chiếu cho dân chúng trong nước lập ao phóng sinh, Sư muốn giáo hóa rộng nên mỗi khi gặp

mọi người đều khuyến khích việc phóng sinh, và đã lập bia nói về phóng sinh, Lưu Đào soạn văn, Thái thú sai Tăng Hội khắc vào bia đá, trên ấy ghi: Ngày mười lăm tháng bảy niên hiệu Thiên Hỷ năm thứ ba.

Một đêm, Sư bỗng mộng thấy Tướng Công đi vào viện, hôm sao thì con của Tăng thái thú đến và sự việc trùng hợp như trong mộng. Hoàng phu nhân nước Sở dân tài sản để cúng dường, lại viết thư xin Tăng thái thú phần đất sau vườn mãi mãi làm Đạc-già-lam, cũng vào năm này.

Năm thứ tư là năm Bính dần, năm thứ năm là năm Đinh mao, Sư sáng tác tập Quang Minh Văn Cú Ký gồm sáu quyển, trên đề rằng: Ngày mùng ba tháng mười hai niên hiệu Thiên Thánh năm thứ hai. Nhưng lúc này Sư đã gần quy tịch, nên không kịp soạn cho trọn bộ, sau đó đệ tử Sư là Pháp sư Quảng Trí tiếp tục soạn thêm một phẩm tán Phật, cho nên mới trọn bộ.

Năm thứ sáu là năm Mậu thìn, năm này Sư thị tịch, thọ sáu mươi chín tuổi, theo tập Thập Lục thì Sư tịch vào giờ Tuất ngày mùng năm tháng giêng niên hiệu Thiên Thánh năm thứ sáu, Sư ngồi kiết già, nói pháp cho đại chúng nghe xong, bèn xưng danh hiệu A-di-đà Phật mấy trăm tiếng rồi im lặng mà hóa. Thi thể để qua hai mươi bảy ngày, tóc và móng tay đều dài, mặt vẫn tươi như lúc còn sống, lại thêm bảy ngày nữa mới đem ra ngoài cửa Nam để thiêu, trước là nghe mùi hương lạ thơm phức, sau khi thiêu xong thì cái lưôi vẫn còn nguyên và có rất nhiều xá lợi năm mầu (Xá-lợi còn giữ trong bình lưu ly và thờ tại lầu đại bi). Qua năm năm sau, vào ngày hai mươi chín tháng bảy niên hiệu Minh Đạo năm thứ hai thì thỉnh linh cốt về xây tháp ở bên trái viện Sùng Pháp.

Tông Hiếu tôi đã đọc Cao Tăng truyện cùng các sách khác, mà thấy Tổ sư chúng ta là ngài Pháp Trí dùng pháp cúng dường, hưng khởi đại giáo, xây chùa tạo tượng, gieo trồng phước đức, cho nên khi thiêu rồi mà lưôi vẫn còn và có vô số xá-lợi, mùi hương lạ bay khắp. Còn như Ngài theo lời khuyến khích của Dương Công mà trụ thế, há cho rằng nhất thời ngăn trở đạo của Ngài sao? Huống chi Ngài có đốt ba ngón tay để cúng Phật, đây cũng là thuộc chi phái xả thân.

MỤC LỤC

- Nghi thức thọ giới Bồ-tát
- Thành lập hội niệm Phật
- Pháp sư Giao trao cho huấn từ
- Pháp sư Lạn trao huấn từ
- Văn phóng sinh
- Truyện mộng thấy cá
- Lời bạt mộng thấy cá
- Bia khắc khuyên phóng sinh.

NGHI THỌ GIỚI BỒ TÁT:

Gồm mười hai phần, thứ nhất cầu thầy trao pháp, thứ hai răn nhắc khuyến tin, thứ ba thỉnh thánh hiền chứng minh, thứ tư trao ba pháp quy y, thứ năm triệu thỉnh Thánh sư, thứ sáu bạch Phật xin giới, thứ bảy sám hối tội lỗi, thứ tám hỏi về già nạn, thứ chín yết-ma trao giới, thứ mười lược nói giới tướng thứ mười một phát thệ nguyện lớn, thứ mười hai kết thúc hồi hương.

1. Cầu thầy trao pháp

Luận rằng người muốn thọ giới Bồ-tát, trước hết phải thỉnh cầu thầy răn nhắc, khai mở đối với tất cả cảnh phải khởi tâm đại bi, nếu không như vậy thì giới không nhờ đâu mà phát khởi. Nay vì đại chúng hiện tiền mà cung thỉnh vị ấy... làm giới Sư trao giới Bồ-tát Đại thừa mọi người phải nhất tâm cầu thỉnh theo tôi, đến chỗ đọc tên thì phải xưng tên mình.

Bạch Đại Đức nhất tâm niệm, nay con tên... đến chỗ Đại Đức, xin thọ tất cả tịnh giới của Bồ-tát, cúi xin Đại Đức không nề nếp nhọc, thương xót hứa khả.

2. Răn nhắc khuyến tin.

Đại chúng thanh tịnh đồng hội hiện tiền đã cùng nhau cung thỉnh muốn cầu giới pháp thì trước phải phát khởi tín tâm, nếu tín tâm thành tựu thì giới định huệ mới đầy đủ, ba thân bốn trí Phật quả mới có thể mong được, không còn nghi ngờ gì. Một là tin rằng tất cả chúng sinh đều có tánh, hai là tin rằng siêng tu hạnh cao quý mà chứng quả Bồ-đề, ba là tin chắc đều lên quả vị Phật thường, lạc, ngã, tịnh. Cho nên kinh chép: đại chúng tâm tin chắc, người là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành, thường tin tưởng như vậy, giới phẩm đã đầy đủ. Kinh Hoa Nghiêm chép: lòng tin là cội nguồn của đạo, là mẹ sinh ra các công đức, nuôi lớn tất cả

các gốc lành, xé rách lưới nghi, lên khỏi sống ái, khai mở đạo Niết-bàn vô thượng. Cho nên biết nếu phát tín tâm sẽ lãnh thọ được giới, giới là bước đầu của muôn hạnh, là nền móng của pháp sáu độ, như xây dựng nhà, trước phải làm nền móng, nếu không có nền móng thì không thể thành tựu. Giới là vốn liếng của đại đạo, là thuyền bè để vượt qua biển cả, biển lớn sinh tử nếu không có giới thì không thể vượt qua, giới là chuỗi anh lạc để làm đẹp pháp thân, giới là gió mát để thổi tan phiền não nóng bức. Giới kinh chép: giới như mặt trời mặt trăng sáng, cũng như chuỗi anh lạc, hằng sa Bồ-tát đều do giới mà thành Chánh giác. Mọi người phải tin tịnh giới Bồ-tát đã thọ, chính là nguồn gốc thành đạo của các Đức Phật trong ba đời ở khắp mười phương, là khuôn phép tu hành của các đại Bồ-tát.

Bài kệ trong giới kinh chép:

*Như các Phật quá khứ
Cho đến Phật vị lai
Các Phật trong hiện tại
Đều cùng tôn kính giới.*

Kinh chép: Thân công đức của Như Lai ấy việc thọ giới làm gốc, việc giữ giới làm đầu. Lại nói rằng: Nếu không giữ giới, thân đã can lở loét còn không được làm, huống là pháp thân công đức.

Kinh Nguyệt Đăng Tam-muội chép: Tuy có sắc đẹp, sức khỏe và học rộng, nhưng không có tịnh giới thì cũng như cầm thú, tuy ở địa vị thấp hèn ít hiểu biết, mà giữ được tịnh giới thì gọi là người cao quý.

Kinh Hoa Nghiêm chép: Giới là gốc của Vô thượng Bồ-đề, cho nên phải giữ tịnh giới đầy đủ, nếu giữ gìn được tịnh giới vững chắc thì được các Như Lai khen ngợi.

Kinh Niết-bàn chép: Muốn thấy Phật tánh, chứng đại Niết-bàn, thì phải tín tâm tu trì tịnh giới.

Kinh Phạm Võng chép: Chúng sinh thọ giới của Phật, tức bước lên địa vị Phật, nếu không thọ giới này, tức là kẻ ngoại đạo tà kiến, cũng không khác loài súc sinh hay gỗ đá. Cho nên biết người không thọ giới Bồ-đề, dầu có học Phật pháp và siêng tu khổ hạnh trải qua ngàn muôn kiếp, cũng chỉ là chúng sinh mà không thể giả thoát sinh tử, phá trừ nghiệp chướng, thành đạo Bồ-đề, chứng quả vị Phật. Vì thế ở Tây Thiên, mỗi khi vua lên ngôi, hàng quan lại nhậm chức, trước hết đều thọ giới Bồ-tát, bởi muốn đem lợi ích cho nhân dân trong chỗ mình cai quản. Các bậc hiền nhân, thà thọ mà hủy phạm, chứ không thể không thọ, dầu thọ mà hủy phạm, vẫn là đệ tử Phật, nếu không thọ tức là ngoại

đạo.

Kinh chép: Hoa Chiêm-bạc tuy héo, vẫn cao quý hơn tất cả hoa, các Tỳ-kheo phá giới, còn hơn tất cả ngoại đạo.

Các Phật tử ở trong đại chúng, vô lượng chúng sinh ở trong sáu đường, chịu khổ trong ba đường ác, không nghe Phật pháp. Dầu được làm người, hoặc ở nơi biên địa, hoặc gặp đời loạn lạc, hoặc đắm say sắc dục, hoặc bị quả báo ngu si, hoặc theo tà kiến, Phật pháp khó gặp, ai chịu tin theo?

Nay mọi người cùng vui mừng, khéo biết thiện ác, biết có giới pháp để thọ, biết có Tịnh độ để sinh, có thể gọi là muôn kiếp khó gặp, nghìn đời có một mà thôi.

Kinh Pháp Hoa chép: Phật pháp khó gặp, thời kỳ cũng khó gặp, nhờ có phước đời trước sâu dày nên sinh ra gặp Phật pháp. Mọi người phải nhớ nghĩ vô thường nhanh chóng, việc sống chết khó hẹn được, một mai chết đi thì thân thức không nơi nương tựa, lúc ấy muốn thọ giới Phật thì cũng không thể được. Cho nên mỗi người phải tinh tấn, gắng sức cầu giới, dứt bỏ duyên đời, trai giới niệm Phật, khi công tu viên mãn sẽ được vãng sinh Tịnh độ, an dưỡng, sống mãi không chết, hưởng sự vui sướng cao quý.

Nhưng giới có nhiều thứ: năm giới, tám giới thì gọi là cận trụ giải thoát, nếu thọ thì gọi là biệt biệt giải thoát, nếu thọ giới này thì tùy theo từng giới đã giữ mà được giải thoát, nhưng tuy ra khỏi sông ái sinh tử, nhưng chỉ đến quả vị A-la-hán Tiểu thừa, không thể chứng đắc Phật tánh thường trụ, rộng độ chúng sinh. Nay đây ba nhóm tịnh giới của Bồ-tát, nếu thọ giới này sẽ viên mãn quả Phật, tướng tốt vô biên, ba đạt, năm nhãn, mười lực vô úy, tất cả công đức đều được đầy đủ, tức ngay nơi thân này, trong một niệm cho đến thành Phật, được đầy đủ tám thứ công đức cao quý.

Một là thẳng đến đạo tràng cao siêu, phải biết người thọ giới Bồ-tát cũng như chim đại bàng, vỗ cánh tay bay có thể hơn mười muôn chín ngàn dặm. Bồ-tát phát tâm thọ trì đại giới thì sẽ vượt qua hàng Nhị thừa và sáu đường thẳng đến vô thượng Bồ-đề, ngồi nơi đạo tràng. Hai là phát tâm cao siêu, như có người trong một niệm mà phát tâm đại bi đại trí thọ giới Bồ-tát, sẽ vượt qua cảnh giới hàng Nhị thừa. Thuở xưa, có vị Sa-di đi theo hầu vị A-la-hán, bỗng nhiên phát tâm Bồ-đề cầu thọ giới Bồ-tát. Vị A-la-hán liền sinh lòng cung kính, trả lại y bát cho vị Sa-di và nhường đi trước.

Ba là ruộng phước cao quý, nếu như có người cúng dường tất cả

đại A-la-hán trong cõi Diêm-phù-đề, phước đức ấy cũng không bằng cúng dường một người phát tâm thọ giới Bồ-tát, bởi tâm ấy rộng lớn.

Bốn là công lực cao quý, như người thọ giới Tiểu thừa, giống như ánh sáng đom đóm chỉ có thể tự chiếu mình, còn người thọ giới Bồ-tát thì như ánh sáng mặt trời giữa trưa, chiếu sáng khắp tất cả.

Năm là diệt tội cao quý: mọi người chớ nên nghĩ rằng thọ giới rồi không thể giữ gìn mà không dám thọ. Kinh chép: sau khi thọ lễ có phá giới hay phạm giới cũng còn hơn ngoại đạo. Người không thọ giới tức là ngoại đạo tà kiến, mãi chìm đắm trong đường ác không có lúc nào, ra khỏi. Người thọ giới mà phá giới, do oai lực của giới nên dẫu đọa trong đường ác cũng chịu tội rất nhẹ, nếu đọa trong địa ngục thì làm vua địa ngục, nếu đọa làm súc sinh thì làm súc sinh đầu đàn, nếu bị đọa vào ngạ quỷ thì làm vua loài ngạ quỷ. Nếu sinh làm người thì làm vua cõi người, nếu sinh lên cõi trời thì làm vua cõi trời, bất cứ sinh chỗ nào cũng không mất ngôi vua. Kinh chép: Người có phạm cũng gọi là Bồ-tát, bởi có giới để phạm, không phạm gọi là ngoại đạo, bởi không có giới để phạm.

Sáu là thọ trai cao quý, người thọ giới nếu lúc ở trong bào thai, thường được trời, rồng và thiên thần hộ vệ.

Bảy là thần thông cao quý, người thọ giới do có năng lực giữ giới nên có thể khuấy nước sông thành đê hồ, biết đất đai thành vàng ròng, có thể ở trong một niệm mà vượt quá ngàn đời, có thể ở trong một ngày mà độ vô số chúng.

Tám là quả báo cao quý, người thọ giới tức là Bồ-tát, sẽ sinh vào cõi Liên hoa hải tạng được thân pháp tánh, chứng đắc chân thường, mãi không lui sụt, như trên đã dẫn chứng các kinh.

Tôi đã vì Phật tử mà mở bày cửa hạnh, nguyện mọi người hiện tại đều được giới pháp thanh tịnh, mãi là bến bờ tốt, làm nhân duyên gặp Phật, là nghiệp sinh về Tịnh độ.

3. Thỉnh thánh chứng minh.

Đại chúng hiện tiền, nay tôi đã vì mọi người mà nói pháp khi mở dẫn dắt, mọi người phải có tâm kính ngưỡng, nay cung thỉnh thánh chúng giáng lâm đạo tràng để chứng minh hộ niệm. Mọi người nên nhất tâm đọc theo lời tôi để cung kính. Nay là ngày..... tháng..... năm....., tại huyện..... tỉnh..... nước..... thuộc cõi Diêm-phù-đề. Ở phía Nam, hiện có số đông nam nữ phát tâm tịnh thành cùng muốn thọ tịnh giới, xin cung thỉnh Tam bảo, tất cả Thánh hiền, nguyện xin hộ trì đồng giáng lâm.

Nhất tâm phụng thỉnh tận hư không giới vi trần cõi nước, tất cả các Đức Phật chân thân ứng thân, tất cả đạo pháp Đại thừa Tiểu thừa,

Thánh hiền, ba thừa, xin nguyện nghe lời phụng thỉnh này mà giáng lâm đạo tràng, chứng minh thọ giới.

Nhất tâm phụng thỉnh hộ pháp chư Thiên, công đức đại biện, phạm thiên Đế-thích Tứ thiên vương, tám bộ trời rồng, trời đất linh thiêng, trời trăng các sao sông hồ đầm ao, núi cao non sâu, thành ấp đồng trống, xã tắc thông minh, ủng hộ trai giới, xin nguyện nghe lời phụng thỉnh này mà giáng lâm đạo tràng, che chở gia hộ.

Nhất tâm phụng thỉnh bốn sinh sáu đường trong pháp giới mười phương, chín loại chúng sinh tất cả hữu tình, hiện tiền đại chúng thọ giới trong đạo tràng, cha mẹ sinh thân, tôn thân nhiều đời, cúi mong năng lực Tam bảo, đồng đền đạo tràng, đồng thấm nhuần giới pháp.

4. Trao ba pháp quy y.

Trên đây đã triệu thỉnh Tam bảo bách linh giáng lâm đạo tràng, đồng giúp đỡ giới pháp, phải biết giới này không phân biệt người nam người nữ, thánh phàm đều được, âm dương đều thấm nhuần, cho đến loài súc sinh, chỉ cầu hiểu rõ lời Pháp sư thị được thọ giới, không như giới Tiểu thừa, người đầy đủ sáu căn mới được thọ. Từ lúc thọ giới Bồ-tát này cho nên khi thành Phật, mãi mãi không còn lui sụt. Nay lại vì đại chúng mà dẫn dắt bỏ tà về chánh, trao cho ba pháp quy y, phải biết Tam bảo chính là ruộng phước của tất cả chúng sinh, nếu chí thành cung kính quay về nương theo, thì sẽ phát sinh tất cả công đức pháp lành. Nhưng Tam bảo thì có chia ra nhiều thứ, một là trụ trì Tam bảo, hai là biệt tướng Tam bảo, ba là nhất thể Tam bảo. Trụ trì Tam bảo tức là tượng Phật tô, vẽ, đắp sơn tức là tô vẽ đắp, kinh viết trên lụa, tre là Pháp bảo, người xuất gia cạo đầu nhuộm áo là Tăng bảo. Biệt tướng Tam bảo nghĩa là bậc tu hành chứng quả diệu giác, hóa độ chúng sinh là Phật bảo, giảng nói tám mươi bốn ngàn pháp tạng và mười hai bộ kinh là Pháp bảo, từ bậc Đăng Giác trở xuống thánh hiền của hàng Tam thừa thì gọi là Tăng bảo. Nhất thể Tam bảo nghĩa là trên từ các Đức Phật, dưới cho đến loài côn trùng nhỏ nhít đều có đầy đủ thể Tam bảo này. Các gọi là diệu thể thật tướng tuy một mà ba, gọi là Bí mật tạng, như đồ trang sức quý giá ở thế gian đều gọi chung là báu. Nay mọi người đều sẵn có giác tánh là Phật bảo, tánh này thanh tịnh không nhiễm ô là Pháp bảo, tánh này nhu hòa không tranh cãi là Tăng bảo. Vì thế tôi khuyên mọi người không nên tự khinh mình, ai ai cũng như vậy, ai ai cũng có khả năng thành Phật. Đức Như Lai do tu chứng nhất thể Tam bảo này nên có khả năng vận dụng thần thông rộng lớn, làm các Phật sự, Tam bảo này có ở trong thân mọi người, như nước đóng lại thành băng, không thể bỏ băng mà

tìm có nước. Nếu muốn làm cho băng tan thì phải có phương tiện khéo léo, muốn hưởng đến quả Phật mà không tu hành thì không được. Nay đã hiểu biết thể tánh như vậy, nên hướng đến Tam bảo làm chỗ quy về nương tựa. Đệ tử tên là..... nguyện từ hôm nay cho đến hết đời vị lai, thể quy y Phật đấng Lương túc tôn, quy y pháp ly dục tôn, quy y Tăng chúng trung tôn (ba lần).

Trên đây tuy đã quy y, nhưng nếu không nói lời kết thúc thì pháp không thể viên mãn, cho nên phải nói lời kết ba lần.

Đệ tử tên là..... quy y Phật xong, quy y pháp xong, quy y tăng xong (ba lần).

Từ nay trở đi luôn tôn Phật làm thầy, không quy y tà ma ngoại đạo, xin nguyện Tam bảo thương xót che chở (ba lần).

5. Triệu thỉnh Thánh sư.

Trên đây đã thọ xong ba pháp quy y, tôi chỉ làm người truyền giới, nay lại vì đại chúng hiện tiền mà phụng thỉnh Đức Thích-ca Thế Tôn và các vị Bồ-tát làm năm tòa Thánh sư, xin giáng lâm đạo tràng. Nay ở trước các Đức Phật, Bồ-tát cầu xin sám hối, hỏi về già nạn, mới làm thực hành pháp truyền giới được. Nhưng về pháp thỉnh Sư thì lẽ ra các vị phải tự trình bày, nhưng các vị chưa làm được, cho nên tôi hướng dẫn các vị, các vị phải nhất tâm cung kính, chớ nên xem thường.

Đệ tử tên là..... nhất tâm phụng thỉnh Đức Thích-ca Như Lai làm Hòa thượng trao giới, con nương theo Hòa thượng mà được thọ giới Bồ-tát, xin thương xót con.

Đệ tử tên là... nhất tâm phụng thỉnh Bồ-tát Văn Thù Sư Lợi làm Yết-ma A-xà-lê, con nương theo Yết-ma A-xà-lê mà được thọ giới Bồ-tát, xin thương xót con.

Đệ tử tên là..... nhất tâm phụng thỉnh Bồ-tát Di-lặc, làm Giáo thọ A-xà-lê, con nương theo Giáo thọ A-xà-lê mà được thọ giới Bồ-tát, xin thương xót con.

Đệ tử tên là..... nhất tâm phụng thỉnh các Đức Phật mười phương làm các vị tăng tôn chứng, con nương theo các vị tăng tôn chứng mà được thọ giới Bồ-tát, xin thương xót con.

Đệ tử tên là..... nhất tâm phụng thỉnh các vị Đại Bồ-tát làm bạn đồng học, con nhờ nương theo các bạn đồng học mà được thọ giới Bồ-tát, xin thương xót con.

6. Bạch Phật xin giới.

Trên đây đã thỉnh năm tòa Thánh sư, là những bậc đầy đủ đại từ bi tha tâm đạo nhãn, thương xót chúng sinh mà diệt khổ ban vui, sẽ

giảng lâm đạo tràng. Nay tôi lại vì mọi người mà bạch Phật xin giới, mọi người nên chí thành hướng về Phật chấp tay lắng nghe tác bạch: Ngưỡng bạch năm tòa thành sư, mười phương tận hư không khắp pháp giới tất cả các Đức Phật, đại địa Bồ-tát tăng. Nay có đệ tử ở huyện..... thành..... nước..... thế giới Ta-bà, cầu con cung thỉnh bạch chư Phật Bồ-tát xin thọ ba nhóm tịnh giới, các đệ tử này đã là người phát tâm Bồ-tát chân thật, có thể sinh lòng tin sâu xa, thệ nguyện học và tu hành theo tịnh giới này, xin nguyện các Đức Phật, các vị đại Bồ-tát thương xót ban cho ba nhóm tịnh giới (ba lần).

7. Sám hối tội lỗi.

Trên đây cung bạch Thánh sư đã xong, sắp thọ giới pháp, tự nghĩ mọi người từ vô thủy đến nay phiền não sâu nặng, không việc ác nào mà không làm, thân tâm bất tịnh. Giới pháp này chính là pháp bạch tịnh, nhưng thân căn thanh tịnh mới cầu thọ được, cho nên phải cầu xin sám hối, như giặt sạch áo cũ mới nhuộm ăn màu. Hướng gì Như Lai diệt độ đã hơn hai ngàn năm, chánh pháp ít người biết, mà gió tà lại thổi mạnh, vào lúc này cũng có số người tuy thấy Phật nghe pháp mà không sinh lòng tin theo, bởi do vô minh che lấp, tà kiến ràng buộc, nếu không sám hối lỗi trước, chừa lỗi này thì không nhờ đâu mà trở về bản tâm thanh tịnh. Vì nhân duyên ấy, nên hôm nay đạo tràng đồng ở trước Phật phát lời sám hối tội căn, mỗi người nên nhất tâm chí thành sám hối.

Đệ tử tên..... xin dốc lòng sám hối, từ vô thủy cho đến ngày nay, lúc chưa biết Phật, lúc chưa nghe pháp, lúc chưa gặp tăng, không tin nhân quả, chìm đắm trong sinh tử, động thân miệng ý, không việc ác nào mà không làm, gặp duyên không lành, gần gũi bạn ác, cho đến đốt chùa phá tháp, phỉ báng kinh sách Đại thừa, xâm tổn của thường trụ, nhiễm ô phạm hạnh, vu báng tăng chúng, phạm các giới cấm, hành động trái oai nghi, gây ra năm tội nghịch, mười điều ác. Thân nghiệp không lành: làm việc sát sinh, trộm cắp, tà dâm; khẩu nghiệp không lành: nói láo, nói thêu dệt, nói độc ác, nói hai chiều; Ý nghiệp không lành: khởi tham, sân, si. Giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hiệp tăng, làm thân Phật chảy máu, tự mình làm và dạy người khác làm, hoặc thấy làm, nghe làm mà hòa theo, các tội như vậy vô lượng vô biên, nay giải bày phát lồ sám hối, cúi mong Tam bảo đồng thương xót, khiến cho gốc tội của chúng con một niệm tiêu sạch đều được thanh tịnh.

8. Hỏi về già nạn.

Trên đây đã vì mọi người mà thực hành pháp sám hối, bởi thân căn thanh tịnh mới được thọ tịnh giới. Theo lời kinh dạy thì lúc nào thọ

giới này nếu có bảy già nạn thì không được thọ, bởi bảy tội nghịch này làm ngăn che tịnh giới, cho nên gọi là già. Nay tôi hỏi rõ từng điều, các vị nếu có thì nói có, không thì nói không, phải trả lời đúng như thật.

- Người có làm thân Phật chảy máu không?
- Người có giết cha không?
- Người có giết mẹ không?
- Người có giết Hòa thượng đắc giới không?
- Người có giết A-xà-lê không?
- Người có phá Yết-ma Chuyển pháp luân tăng không?
- Người có giết A-la-hán không?

9. Yết-ma trao giới.

Lành thay! Các người không có bảy thứ già nạn trên, đã là thân thanh tịnh để lãnh thọ giới, thánh chúng đồng vui, phàm tục đều thích, ngàn đời muôn kiếp được may mắn gặp. Bây giờ, là lúc Yết-ma thọ giới, phải biết giới này được các Đức Phật, Bồ-tát ba đời ở khắp mười phương nhiều kiếp huân tu, là chỗ thành tựu của vô lượng công đức, mọi người phải khởi tâm sinh ý tưởng khó gặp, sẽ khiến cho pháp này trong một niệm mà viên thành. Lúc này nên tha thiết kính ngưỡng thận trọng, như bình đứng vậy, không được sơ suất, vì nhân duyên ấy nên lắng nghe, lắng nghe.

Các Phật tử lắng nghe, các người nay ở chỗ tôi mà cầu thọ tất cả tịnh giới của Bồ-tát, tất cả chỗ học của Bồ-tát, đó là giới nhiếp luật nghi, giới nhiếp thiện pháp, giới nhiều ích hữu tình. Các tịnh giới này, các chỗ học này được tất cả Bồ-tát ở đời quá khứ đã thọ, đã học, đã hiểu, đã thực hành, đã thành tựu. Tất cả Bồ-tát trong đời vị lai sẽ thọ, sẽ học, sẽ hiểu, sẽ thực hành, sẽ thành tựu. Tất cả Bồ-tát ở hiện tại đang thọ, đang học, đang hiểu, đang thực hành, đang thành tựu, đời sau sẽ thành Phật. Các người từ nay cho đến khi thành Phật, trong thời gian ấy không được hủy phạm có thể giữ được không? (hỏi ba lần, đồng thời đáp rằng giữ được).

Phật tử các vị phải tin, lần đầu Yết-ma đã thành, giới phép diệu thiện ở các thế giới trong mười phương đều do nghiệp lực của tâm đều chấn động.

Đây là hỏi Yết-ma lần thứ hai đã thành, giới pháp diệu thiện ở các thế giới trong mười phương, giống như hư không, như mây như long, che trên đánh các vị.

Đây là hỏi Yết-ma lần thứ ba đã thành, giới pháp này từ trên đánh các vị chảy vào thân tâm, chẳng phải sắc, chẳng phải tâm, không có

hình tướng, không hay không biết, tràn đầy chánh báo. Phải biết thân tâm các vị là nơi nhóm họp vô lượng công đức, mỗi vị ở trước Tam bảo phải sinh tâm cất vui mừng, tha thiết dốc lòng hộ trì, chớ nên hủy phạm.

10. Lược nói về giới tướng.

Các Phật tử, trên đây tôi đã y theo pháp mà trao ba nhóm tinh giới cho các vị, tuy đã đặc pháp, nhưng các vị ắt là chưa hiểu rõ hình thức, phạm, nay tôi y theo mười giới trong bốn mươi tám giới khinh trong Kinh Phạm Võng, giảng nói mỗi giới, các vị nên lắng nghe.

Giới thứ nhất không được giết hại: nếu tự mình giết hoặc bảo người giết, thì không có tâm từ bi, chẳng phải là Bồ-tát, nếu có phạm thì mất tội Ba-la-di. Các vị từ nay cho đến khi thành Phật, trong thời gian ấy, không được hủy phạm, có thể giữ được không? (Đáp rằng giữ được, ở dưới cũng lệ theo đây).

Giới thứ hai không được trộm cắp, hoặc tự mình hoặc xúi giục người khác, cho đến vật của quý thân, dù chỉ một cây kim, ngọn cỏ cũng không được cố lấy, nếu trộm thì phạm tội Ba-la-di, các vị có thể giữ được không?

Giới thứ ba là không được tà dâm, người nam không được tư thông với người nữ không phải vợ mình, người nữ không được tư thông với người nam không phải chồng mình, nên bố thí pháp thanh tịnh cho chúng sinh, các vị có thể giữ được không?

Giới thứ tư không được nói dối: có thì nói có, không thì nói không, không được vì lợi mà nói dối, phải nói chân thật, các vị có thể giữ được không?

Giới thứ năm không được làm hoặc bán các thứ rượu, rượu là thứ nước làm cho mê loạn và gây nên tội lỗi, uống vào thì che lấp tâm tánh, sẽ sinh ra ba mươi sáu tội lỗi, các vị có thể giữ được không?

Giới thứ sáu không được nói lỗi của người khác, cho đến thầy tổ, bạn bè, phải thường nêu cái tốt, che điều dở, các vị có thể giữ được không?

Giới thứ bảy không được khen mình chê ngoại đạo, việc xấu phải nhận về mình, việc tốt thì dành cho người, từ nay không được khen hay chê, các vị có thể giữ được không?

Giới thứ tám không được bòn sẻn tài vật, nếu có người đến xin, hễ mình có vật gì thì tùy theo vật cho họ vật đó, từ nay không được keo kiệt, các vị có thể giữ được không?

Giới thứ chín không được sinh tâm giận dữ: một niệm sân khởi lên

đốt cháy vô lượng công đức, khi chết đọa làm loài rắn, do tức giận mà chiêu cảm, các vị có thể giữ được không?

Giới thứ mười không được hủy báng Tam bảo: bởi Tam bảo có ân đức lớn đối với tất cả chúng sinh. Tam bảo là ruộng phước, cho nên không được hủy báng, các vị có thể giữ được không?

Trên đây là lược nói tướng của mười giới trọng, còn bốn mươi tám giới khinh thì nhiều nên không thể nói lại từng giới, đại chúng hiện tiền phải nghe và thọ pháp này, sự việc không thể xem thường, cần phải hiểu rõ đời là vô thường, nên tu hành các điều lành, ngõ hầu dùng đó trang nghiêm Tịnh độ, lúc qua đời chắc chắn được vãng sinh, phải biết niệm Phật và thọ giới có công luân không thể suy nghĩ, bàn luận.

11. Phát thệ nguyện rộng lớn.

Hôm nay đại chúng hiện tiền đã được đắc giới, cần phải khởi tâm độ chúng sinh, bởi người thế gian từ xưa đến nay hễ làm việc gì đều là cho bản thân mình, chưa thể phát khởi tâm niệm lợi ích cho người, vì thế luân hồi trong sáu đường, phước huệ mỏng manh. Nay đã thọ trì đại giới, về sau cần phải phát tâm Bồ-đề, khởi bốn thệ nguyện rộng lớn, bốn thệ nguyện rộng lớn là thầy của các Đức Phật, các Đức Phật nhờ đây mà thành Chánh giác.

Bồ-đề, Hán dịch là Đạo, bởi dùng đạo làm tâm nên gọi là đạo tâm, phát đạo tâm này là nương bốn giáo mà cảnh trí khác nhau, nay y theo Viên giáo Vô tác tứ đế để phát đạo tâm, đạo tâm này, hoàn toàn không khác với tâm của các Đức Phật và tất cả chúng sinh trong mười phương. Cho nên kinh Hoa Nghiêm chép: Phật cũng giống như tâm, chúng sinh giống như Phật. Tâm, Phật và chúng sinh ba thứ không khác nhau. Nếu biết tâm này tức là tâm Phật, cũng là tâm của chúng sinh, thì sự là lý đều như nhau, chúng sinh và Phật chẳng phải hai, vì diệu vắng lặng, y nơi phát tâm này mà gọi là Chánh giác. Nếu trái với tâm này mà lập nguyện, thì nguyện không gọi là cùng khắp. Cho nên tông Thiên Thai nói: phát tâm hẹp hòi, thì muôn hạnh chỉ uống phí. Nhưng tâm này theo lý thì đều gọi là tâm Phật. Tức về lý thì không khác nhau, nhưng về sự thì xa cách nhau một trời một vực. Cho nên phải học theo tâm từ bi như Phật mà phát thệ nguyện rộng lớn, trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh. Hoằng là rộng lớn, thệ là chế ngự. Nương theo cảnh tứ đế mà rộng chế ngự tâm ấy, trước hết y theo khổ đế mà phát nguyện lớn rằng chúng sinh vô biên thệ nguyện độ. Thứ hai nương theo cảnh tập đế mà phát nguyện rộng lớn rằng phiền não vô tận thệ nguyện dứt, thứ ba nương theo cảnh đạo đế mà phát nguyện lớn rằng pháp môn vô

lượng thế nguyện học, thứ tư nương theo cảnh diệt đế mà phát nguyện lớn rằng Phật đạo vô thượng thế nguyện thành. Hiện tại mọi người ở trong một niệm tâm phàm mà dùng cảnh Phật trí Phật, khởi bốn nguyện rộng lớn này, lợi mình lợi người, công đức vô lượng, dựa vào duyên cao quý này mà cầu sinh thượng phẩm cõi Tịnh độ, mỗi người nên chí thành phát nguyện.

Đệ tử tên là..... nay ở trước tượng Phật, Bồ-tát, chân chánh phát tâm Bồ-đề:

Chúng sinh vô biên thế nguyện độ.

Phiền não vô tận thế nguyện đoạn.

Pháp môn vô lượng thế nguyện học.

Phật đạo vô thượng thế nguyện thành.

12. Kết thúc hồi hướng.

Công đức thí giới trên đây như hư không, bằng với pháp giới, khắp vì tất cả chúng sinh trang nghiêm mé thật, thoát khỏi luân hồi, mãi chứng vô sinh thường trụ vui sướng. Sau đó dùng duyên tốt này dâng lên các vị trời hộ pháp, những vị thần thường phật trong ba cõi, oai đức linh thông, tiên tổ nhiều đời, cha mẹ sinh thân, chủ nợ kẻ thù, nợ tiền thiếu mạng, pháp giới hữu tình, đồng thấm nhuần lợi ích. Trời đất yên ổn, phân rõ ngày đêm, cõi nước bình an, nhân dân an vui, mưa thuận gió hòa, mùa màng hưng thịnh.

Nam nữ hiện tiền nhờ giới lành này giúp đỡ thường được tốt lành, tai họa tiêu diệt, phước trí đầy đủ, hiểu đời là huyễn mộng mà siêng tu pháp lành, kính mong Tam bảo chứng minh, các trời che chở, kính bái bạch.

SỐ KẾT HỘI NIỆM PHẬT VÀ LỜI BẠT CỦA CƯ SĨ THANH SƠN LÂU:

Tịnh xá niệm Phật viện Diên Khánh đất Minh châu. Xã này phổ kết một muôn người gồm nam nữ tăng tục, cùng xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà, phát tâm Bồ-đề cầu sinh Tịnh độ. Vào ngày mười lăm tháng hai hàng năm thì lập đạo tràng ở viện, cúng dường Tam bảo, dâng lễ trai tăng, phước lợi nhân dân. Pháp kiến lập hội này, đầu tiên khuyến khích hai trăm mười người, mỗi người lại tìm thêm bốn mươi tám người, cùng niệm Phật sám nguyện, mỗi ngày niệm một ngàn câu danh hiệu, sám hối tội chướng, phát nguyện Bồ-đề, vì độ chúng sinh, cầu sinh Tịnh độ. Hoặc trong hội có người nào qua đời thì thỉnh thêm cho đủ số, sau đó ghi tên họ người ấy, chín trăm chín mươi người trong

hội, mỗi người niệm một ngàn câu danh hiệu Phật để sám tội cho người chết, giúp thêm nguyện hạnh, giúp họ được sinh Tịnh độ. Đến ngày kiến lập hội, thì mọi người cùng niệm Phật cầu hương linh được vãng sinh, và lại khuyến khích người vào hội, để mong thường đủ số muôn người đồng tu tịnh nghiệp.

Luận rằng: Một niệm vốn viên dung, các pháp không ngăn ngại, qua sự huân tập mà cảm báo thành khác nhau. Cho nên nếu thuận tánh mà tu, thì hiển bày Tịnh độ các được Phật, theo vọng tình mà gây ra nghiệp, thì xoay vần trong con đường khổ. Con người ở cõi Ta-bà, thoát ra thì rất khó mà đọa lạc thì nhiều.

Kinh dạy: làm được thân người, số ít như đất dính trong móng tay, mà mất thân người thì nhiều như đất cả đại địa, cho đến khi nào tu hành công hạnh tròn đầy, mới mong thoát khỏi thọ sinh trong bốn loài, cảnh Ta-bà này phiền não dầy dầy, tự sức mình cầu thoát ra thật là khó, nếu sinh về cõi An Dưỡng, được sống trong cõi nước trang nghiêm, thân tâm thanh tịnh, cho đến thành Phật, không còn đọa trong ba đường ác.

Kinh chép: nơi cõi ấy không có tên gọi đường ác, hướng là có thật, chúng sinh sinh về cõi ấy, đều là bậc A-bệ-bạt-trí. Người muốn sinh về nước Cực Lạc, chỉ cần xưng niệm danh hiệu Phật Di-đà, tu hạnh từ bi như Phật, sẽ được Phật nhiếp thọ theo bốn nguyện của Ngài, lúc xả báo thân sẽ sinh về cõi Phật, thật đúng như lời kinh dạy, chẳng phải lời huống dối. Nay tập hợp muôn người làm thành một xã, tâm tâm chuyên nhất, ngày ngày niệm Phật, mỗi năm đến tháng hai thì tập trung một chỗ, đồng tu cúng dường, đồng nghe pháp âm, tập hợp muôn tâm làm thành một chí, khiến thành định nghiệp, thệ sinh Tịnh độ. Huống nữa thân mạng vô thường như đèn trước gió, nếu một hơi thổi không trở lại, thì ba đường ác ở trước mặt, đâu thể tự lơ là mà không nghĩ đến quả báo sẽ đến. Cho nên phải y theo lời dạy của Phật, không thuận theo tình dục thế gian, dứt bỏ các duyên bên ngoài mà siêng năng niệm Phật. Cần số.

Pháp môn Tịnh độ là chắc chắn đáng tin, Đức Như Lai nhiều lần đặc biệt giảng nói, chỉ dạy rõ ràng. Nhưng người đời còn nửa tin nửa nghi, đại khái là kẻ sĩ cao minh thì nói rằng: miệng xưng danh hiệu Phật thì liền thành Phật, sao quá dễ như vậy? Đó là họ chưa hiểu thấu đáo, không biết rằng nghiệp Tịnh độ thành thì sinh về nước kia, không có cảnh giới ác, có tiến không có lùi, thẳng đến thành Phật, đâu phải mới sinh về nước kia liền thành Phật. Có người nói rằng: miệng xưng danh hiệu Phật, chắc chắn sẽ vãng sinh. Đây cũng là chưa hiểu rất ráo, gọi là

Niệm, tức là tâm ý tinh chuyên thành khẩn, không để tâm xao lãng, đâu phải niệm nơi miệng lưỡi. Tôi tuy thiếu việc hương hoa lễ bái, nhưng mà cảm động trong tâm, niệm niệm không dứt, tuy trên giường chiếu còn loạn động, ắt cũng hưởng về phía Tây, tự nghĩ rằng người đời không ai tu tịnh nghiệp như tôi.

Tứ Minh Pháp Trí đại lão mở mang đại giáo tông Thiên Thai, giúp người thấy tánh thành Phật, hơn nữa còn dùng pháp này dạy chon người, cho nên biết pháp môn sâu xa này có thể bỏ phế. Về sau Ngài còn lập hội niệm Phật, muốn noi theo người xưa tu hành, và lại nhờ tôi viết lại sự việc ấy, tôi vui mừng vô cùng, muốn từ chối mà không thể. Dám mong đại chúng đồng nguyện đồng cầu bậc cao minh giúp đỡ mà thành tựu, ngõ hầu người cao kẻ thấp, kẻ trí người ngu đều được vãng sinh. Nếu nói rằng: Cầu gì sinh về nước kia rồi mới thành Phật, thì người tại gia cũng không cần xuất gia, mà được tính ngộ, mọi người cũng không cần tìm thầy học đạo. Những người chưa hiểu nên lưu ý.

Mùa hạ năm Nhâm ngọ, thuộc niên hiệu Thiệu Hưng viết tại lầu Thanh sơn.

PHÁP SƯ GIAO TRAO HUẤN TỪ

Tổ sư chúng ta là Đại sư Trí Giả, Ngài tu hành lập hạnh, giảng pháp mở mang, làm những việc chẳng phải người tầm thường và vì sinh mà làm được. Tôi hổ thẹn là người nối tiếp nghiệp lớn của Ngài, trải qua thời gian lâu xa, không hề có chút biếng nhác, các vị cũng có ngày được dự vào thiền môn. Nay tôi trao cho các vị lư hương như ý, dùng làm dụng cụ truyền pháp, muốn các vị có danh thơm về ba môn học giới định tuệ, trước là lợi ích cho mình, sau là lợi ích cho người, các vị nên cẩn thận, chớ nên xao lãng, thấy danh lợi như hạt cải, xem cường quyền yếu hèn như giặc cướp. Các vị làm được như vậy mới hợp ý ta đôi chút, cũng không trái với lời dạy và việc làm của Tổ sư, cũng thoát khỏi sự phiền não của loài hữu tình, cho nên chớ xem thường lời ta dạy bảo.

Ngày mùng hai tháng giêng, niên hiệu Thiên Thánh thứ hai.

PHÁP SƯ XÁN TRAO HUẤN TỪ

Tông Thiên Thai dùng thiên, viên một đường để chỉ dạy giáo pháp, dùng cảnh, trí không hai mà sáng tỏ ở quán, chẳng có giáo thì không do đâu mà hiểu biết, không có quán thì không có gì để thành tựu hạnh, giải và hạnh đầy đủ, sau đó mới bước lên hàng hiền thánh được. Ta thờ phụng đạo này đã lâu, không hề có chút biếng nhác, cho

nên người học khắp nơi thường tìm đến. Luận sư Văn Xán cùng bàn luận yếu nghĩa với Pháp sư Tường, mà Pháp sư Tường chuyên tâm về chí lý, tâm quên bỉ ngã, còn ông thì hiếu học, cho nên khiến ông vào thất với ta. Từ đó chăm lo về giáo quán, ngày đêm không nghỉ, trải qua thời gian lâu, lời nói đã tương ứng với việc làm. Nay Pháp sư Tường lo việc chùa tháp, kế thừa di phong của Tam bảo, cho nên việc dắt dẫn đồ chúng phó chúc cho ông ta, chúc mừng Pháp sư Tường có kiến giải xuất thế, lại quán xét thấy ông có thể làm dụng cụ truyền pháp, vì thế trao cho ông lư hương cùng y uất-đa-la-tăng, muốn ông đức hạnh được thành tựu. Như vậy thì đây xích lợi dưỡng cùng tên độc tiếng thơm làm sao tổn thương ở mình được, và địa vị hiển thánh ắt cũng có phần dự vào, ông nên hiểu và làm theo ý ta.

Ngày mùng sáu tháng mười niên hiệu Thiên Thánh năm thứ tư đời Tống. Diên Khánh tọa chủ Tri Lễ trao huấn từ.

VĂN PHÓNG SINH

Pháp sư nên trải tòa mà ngồi ở chỗ phóng sinh không gấn không nếu có đồ chúng đến thì cũng đến ngồi kế bên, mỗi người đều dùng mắt từ bi mà nhìn các chúng sinh, nghĩ đến sự chìm đắm của chúng mà khởi tâm thương xót. Lại nghĩ đến Tam bảo có oai lực lớn có khả năng cứu vớt chúng sinh, nghĩ như vậy rồi Pháp sư bèn bưng chén nước tưởng niệm rằng: nhất tâm phụng thỉnh Đại Uế Tích Kim Cương thánh giả, xin giáng lâm đạo tràng gia trì vào nước này, có công huân lớn, thấm nhuần mọi loài, khiến thân tâm chúng được thanh tịnh và nghe được phép mầu. Pháp sư trì tụng mười bảy biến Uế Tích chân ngôn, lại rảy nước ba lần. Sau đó bưng lư hương bạch rằng: Ngưỡng bạch Thập phương Tam bảo, Đức Bổn sư Thích-ca Phật A-di-đà, Bảo Thắng Như Lai, Bồ-tát Quán Âm, xin nguyện từ bi chứng tri che chở, nay có các loài chúng sinh bị người đánh bắt, sắp đi vào chỗ chết, đệ tử nguyện tu hạnh Bồ-tát, phát tâm từ bi, thực hiện việc phóng sinh để gieo nhân sống lâu, nguyện mua chuộc thân mạng chúng sinh trả lại tự do. Nay thuận theo kinh điển Đại thừa mà trao cho chúng ba pháp quy y, xưng danh mười hiệu và giảng nói mười hai nhân duyên, nhưng các loài này vốn ngu si lại có nghiệp ác, nên thọ sinh các loài, sáu thứ mê muội, không thể hiểu biết pháp mầu sâu xa, kính mong Tam bảo thầm che chở, khiến các chúng sinh tâm ý được khai mở, đối với pháp mầu mau được tương ứng, chuyển báo thọ sinh, sớm được giải thoát, cúi xin thương xót.

Chúng sinh các người từ vô thủy đến nay, không nghe danh hiệu

Tam bảo, không hiểu pháp quy y, cho nên luân hồi trong ba cõi, nay đọa làm thân súc sinh mà đền trả nghiệp đời trước. Nay ta vì các người mà ngưỡng cầu Tam bảo che chở, khiến các người khai mở tâm ý, hiểu được pháp mầu, ta sẽ trao cho các người pháp mầu sâu xa nhất thể Tam bảo. Tam bảo ấy là: Phật là giác, Pháp là bất giác, Tăng là hòa hợp, ba thứ này tức là một, một tức là ba. Không ngang không dọc, không chung không riêng, không thể suy nghĩ bàn luận gọi là Bí mật tạng, là bậc tôn quý nhất của thế gian và xuất thế gian, gọi đó là Bảo. Nay gọi Phật, Pháp, Tăng là Bảo, tất cả muôn pháp đều quay về nên gọi là Ba quy, về lý tuy sâu xa nhưng lại rất gần với tâm tánh của các người, các người phải tin chắc lý này mà hướng về. Xin đại chúng đồng nhất tâm trao cho chúng sinh ba pháp quy y.

Hiện tiền tất cả chúng sinh đủ loại, nương theo nghĩa mầu sâu xa của kinh Đại thừa, và quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng (ba lần).

Quy y Phật xong, quy y Pháp xong, quy y Tăng xong (ba lần). Từ nay trở đi, tôn Phật làm thầy, không quy y theo tà ma ngoại đạo, xin nguyện Tam bảo thương xót nhiếp thọ (ba lần). Các Phật tử, nay ta lại vì các người mà xưng niệm mười hiệu công đức của Bảo Thắng Như Lai, vì các người mà thành kính thỉnh Đức Từ Tôn bày phương tiện cứu vớt. Đức Phật ấy có nguyện nếu có chúng sinh trong các cõi nước mười phương, khi nghe danh hiệu ta, liền được sinh về cõi trời Tam thập tam. Xưa, Trưởng giả Lưu Thủy thay thế cho mười ngàn con cá mà xưng mười hiệu này, những con cá ấy liền được sinh về cõi trời, Trưởng giả thành Phật hiệu là Thích-ca Văn, trong mười ngàn Thiên tử kia thì Oai Đức Vương là vị đứng đầu, đó là nhờ nhân duyên đời trước, ở trong hội Quang Minh được thọ ký Bồ-đề. Lúc ấy, các Thiên tử được nghe mười danh hiệu liền đốn ngộ bốn tâm, thâm chứng vô sinh và được thọ ký. Hôm nay nguyện các người nghe ta xưng dương mười hiệu của Đức Bảo Thắng mà được chứng như các vị Thiên tử kia, hoàn toàn không khác nhau. Nam-mô Quá khứ Bảo Thắng Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật Thế Tôn.

Bảo Thắng Như Lai thường trụ bất diệt, nguyện nương bốn nguyện chứng tri lời xưng danh, khiến các chúng sinh này mau được thọ ký (ba lần).

Các Phật tử, nay ta lại vì các người mà nói pháp mười hai nhân duyên sâu xa nhiệm mầu, nguyện nương năng lực Tam bảo, khiến các người được hiểu rõ ràng: Mười hai pháp này thể của nói là ba đức Đại

bát Niết-bàn, mà các người vì mê nên trở thành ba đường, khiến nhân quả ba đời trôi lăn không dứt. Nay ta vì các người trước tiên nói về tướng sinh của mười hai nhân duyên, sau đó nói về tướng diệt của mười hai nhân duyên, nguyện các người hiểu rõ pháp sinh diệt này, ngày chỗ ấy tức là bất sinh bất diệt, chỗ ấy rốt ráo, chỗ ấy thanh tịnh, chỗ ấy tự tại. Một rốt ráo, tất cả rốt ráo, một thanh tịnh, tất cả thanh tịnh, một tự tại, tất cả tự tại, đồng như các Đức Phật chứng Đại Niết-bàn.

Đại chúng cùng xướng rằng: Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên già chết, lo buồn khổ não. Đây là tướng sinh của mười hai nhân duyên và kế tiếp nói về tướng diệt.

Đó là vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu nhập diệt, sáu nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì già chết, lo buồn khổ não cũng diệt.

Các lại chúng sinh, nay ta đã vì các người và y theo pháp mầu sâu xa của kinh điển Đại thừa mà trao ba pháp quy y, xưng danh mười hiệu và nói mười hai pháp nhân duyên đã xong. Lại nghĩ rằng các người từ vô thủy có nghiệp chướng sâu nặng nên đọa làm súc sinh, nay ta vì các người đối trước Tam bảo phát lồ tội khiên, cầu ai sám hối, nguyện cho các người tội chướng băng tiêu, sau được sinh lên cõi trời, gần gũi Phật và được thọ ký.

Hiện tiền các loài chúng sinh dốc lòng sám hối, từ vô thủy đến nay vì không ngộ bốn tâm nên luân hồi trong sinh tử, ở trong các cõi, trong thì không có mắt tuệ, ngoài thì gần gũi kẻ ác, mở cửa luông lung, tạo nghiệp sinh tử, sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói láo, nói thêu dệt, nói ác, nói lưỡi đôi chiều, tham lam, sân si, tà kiến, tự mình làm, dạy người làm, thấy người làm khen ngợi hoặc vui mừng, bốn mươi thứ ác này tương ứng từng niệm chưa từng xả bỏ, hoặc là làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp tăng, giết A-la-hán, giết hại cha mẹ, hoặc giết hai vị thầy thế gian và xuất thế gian, hủy báng kinh điển, trộm cắp tài vật của chúng tăng, tự phá tịnh giới, làm nhiễm ô phạm hạnh của người khác, cân non đong thiếu, lấy giả làm thật lừa dối kẻ khác, uống rượu hôn mê, phạm các tội lỗi, làm tổn hại chúng sinh để cung cấp thức ăn cho mình, tạo vô lượng tội, kết vô lượng oán, đến nỗi thân này luân hồi trong ba cõi, đọa làm súc sinh để đền trả nợ kiếp trước, từ khổ đi vào khổ, mà không có

thời hạn thoát ra. Nay gặp Tỳ-kheo nói pháp Đại thừa, vô biên trọng tôi này xin Phật Thế Tôn chứng tri, cùng xin sám hối, nguyện tội tiêu trừ, nguyện tội tiêu diệt. Nguyện cầu sau khi phóng sinh, các người không còn bị sập bẫy mắc lưới, sống cho hết số mạng, sau khi xả thân, nương nhờ nguyện lực của Phật Bảo Thắng mà sinh lên tầng trời Đao-lợi, hưởng sự vui sướng, có các Đức Phật xuất thế nói kinh Đại thừa, thì lại ở trong pháp hội và được nghe pháp, tâm ngộ vô sinh, được Phật thọ ký, cũng như Oai Đức Xí vương bình đẳng không khác. Nguyện cầu người làm việc phóng sinh, từ nay trở đi hạnh nguyện be luôn thêm lớn, gặp Phật Di-đà và các thánh chúng, sớm chứng vô sinh, phân thân các cõi, rộng độ hữu tình, đồng thành Chánh giác.

TRUYỆN MỘNG THẤY CÁ

Pháp sư Tư Minh ghi.

Ta đến đây nhậm chức, y theo hạnh ngài Phổ Hiền, không cho mọi người đánh bắt cá trong ao, hồ, sông, rạch. Mùa đông niên hiệu Cảnh Đức thứ tư, ta vâng chiếu quay về Kinh đô, đến đêm mùng mười tháng mười thì bỗng mộng thấy dưới sông có đến mấy vạn muôn cá, chúng đều khóc mà nói rằng: “Trưởng giả đi rồi, chúng tôi vị người ta bắt đi chiên, nấu, tiếng khóc than không thấu được trời. Nhưng mà đây là thật hay giả, là chân hay vọng, làm sao biết được người đến nhậm chức sao không như Trưởng giả, tiếng than này con người làm sao hiểu được, xin quân tử chứng giám, sao nữ để chúng tôi bị chiên nấu”. Ta thấy buồn cho loài hữu tình, nên ghi lại lời này.

Sa-môn Tư Môn Tri Lễ tình cờ thấy chuyện này, và có thể biết được nguyên do ấy, nếu chẳng phải kinh điển liễu nghĩa thì sao biết được nguồn cơn. Bởi tánh của cá là Phật tánh, vốn không khác với tánh của người trưởng ấp, do nơi sự việc mà chia làm hai, thật ra vốn không hai. Phật đã giác ngộ trước, lập giáo pháp để giáo hóa người, quan sát tánh của loài vật mà khởi tâm bi đồng thể, làm cho nó thoát cơn nguy hiểm và chỉ bày sự an vui cho chúng, khiến nó trở về bản tánh vốn có, cùng ngang bằng như tánh Phật, cho nên Trưởng giả Lưu Thủy cứu loài cá mà được thành Phật, cá cũng sẽ thành Phật sự ứng nghiệm không hai.

Nay những điều ta mộng thấy đâu phải là tự nhiên, chính là do Phật dạy việc phóng sinh, cá sẽ được giải thoát, người phóng sinh tăng thêm điều lành, lý là như vậy. Mong người thấy nghe gắng sức thực hành theo lời dạy, xét kỹ nơi tâm tánh, để mình được bằng với Trưởng

giả Lưu Thủy.

Ngày mười một tháng tư niên hiệu Thiên Thánh năm đầu tiên.

Vua ban bài minh khắc trên bia dựng ở ao phóng sinh trong viện Diên Khánh.

Vua đất Việt vì dân chúng trong nước dùng súc vật để tế thần, ban đầu sai làm vòng lưới để săn bắt cá, chọn dụng hợp thời tiết, bởi do thuận với sự sát phạt mà nuôi dân, cho nên bốn vật linh làm súc sinh, chim cá cầm thú chết hết, thật là đáng thương. Muôn vật như bị tan tác, cỏ cây bèn rơi rụng, và đại đạo đã ẩn mất, phong tục thuần hậu không còn trở lại, con người ham muốn không biết thỏa mãn, muôn vật hung bạo, các loài côn trùng ẩm thấp kín đáo đều bị tổn thương, bậc thánh than thở, quân tử lo lắng thương xót, trải qua nhiều đời nêu bày các việc ngăn cấm chẳng phải một, quý là ở chỗ cuối cùng mọi người cũng trở về lòng nhân, làm cho đời được thái bình thịnh trị. Thánh Tông bồng có muôn nước, Chân Tông nối tiếp thái bình, lại như chim trĩ tung hoành lên hư không lại nuôi dưỡng tơ tằm dệt lụa mà báo gốc, song còn cất chứa những gì hay đẹp để truyền lại cho đời sau, mọi sự chìm nổi đều phế bỏ, phước trời làm giếng mối cho nguyên nhân ban đầu. Vâng chiếu chỉ ở đất Kinh hồ thuộc Chiết giang tỉnh Hoài nam có ao phóng sinh, nay sửa chữa hoàn tất tăng thêm phần mới đẹp. Chỉ có ngài Tư Minh mới phân biệt hiểu rõ vùng đất cũ của Dương châu, các loại cá sống ở dưới nước rất nhiều, dân còn ngu si đốt nát chỉ lo lợi cho bản thân mình, các loài sâu bọ nhỏ bé không nhờ vào đâu mà sống nổi, ở ao dơ bẩn kia các lưới giăng đầy, các loài cá lớn như cá côn, cá phi có thể tránh được, còn các loài lươn trạch thì khó thoát khỏi, may mắn tăng thêm, lòng tham không phân biệt, ai cứu giúp để khỏi lồi lằm. May có Đại sư Pháp Trí đạo phong cao vời vợi, hạnh nghiệp thuần phục, truyền tôn Thiên Thai chỉ quán, tu sám pháp Phổ Hiền, trừ được tội lỗi ban ngày không ngủ say, ba năm là kỳ hạn thường thường nhớ niệm, thân này đáng ghét như giặc, chí muốn lia bỏ, an vui nơi vắng lặng, cố nhiên để sánh với nhà xí thì rất nhàm chán, sắp có công hiệu đốt thân chân thành cúng dường. Mà đại thiện trí thức khẩn thỉnh khuyến khích trụ thế. Bọn quan phủ hạch sách đốc thúc kẻ dưới bảo toàn, thật nhanh chóng thuận theo chúng, suy tư lấy lợi tha làm đầu, hướng gì gặp sự vận chuyển của thánh thần thích nghi khôi phục lại, từ bi phước thiện dùng phép tắc nhắc nhở những hạnh mê muội, nên thương xót cứu giúp trở về cõi thanh tịnh này, mà nương tựa chứa nhóm công đức lưu lại cho đời sau, thăm thẳm như vực sâu mầu nhiệm, thấu đạt điều lớn lao, thấm đần nguyện lực vô cùng

cực để độ chúng sinh đạt được lợi ích, luôn vâng mạng người dưới, công tư hòa hợp vâng theo, từ đầu đến cuối không lầm lỗi, thẳng đứng cao lớn giữ gìn khắp tất cả. Do duyên tâm giáo hóa khắp xóm làng, rộng ban bố nhiều thứ, khắp tất cả được thoát khỏi, phòng dự thì mắc lưới lại sớm có trăm phương ngàn kế, song trở về sông lớn phía Tây khiến mùa xuân niềm vui tràn đầy vận mạng của muôn vật. Lại hàng năm lấy ngày Phật đản sinh, đại chúng hòa hợp dạo chơi khắp đó đây, trên thuyền tơ gấm đủ màu kéo dài thỏa thích khắp cõi Phật, gặp duyên tốt như dòng nước chảy suốt, hiểu quả báo lành như ngậm châu trong miệng, không gì là không mạnh, giữ gìn đảm đang chủng loại đều tạo, dòng sông uốn quanh mệnh mông, vui sướng thay cùng khen ngợi, mừng vui nường hoa sen mà thệ (vãng sinh), như bọt nước cỏ trôi trên mặt nước. Cố nhiên là rất vui, mong vượt qua bờ hào thành lũy và nước, dẹp bỏ rọ hư, nơi khô cạn gọi là hất không, đến nơi có lưới thì phải bẻ cần tre, sám hối tội lỗi thì nghiệp biến đổi. Than ôi! Thuần phục theo phong tục xưa, chỉ có nói rằng: người thú ở chung lẫn lộn không làm hại nhau, toàn ăn cỏ cây để nuôi mạng sống, bậc Thánh triết gầy dựng gieo trồng hạt giống làm giáo, vì trước đó dân đó bị xem thường, vì vậy nên hòa hiệp trăm điều vui vẻ. Rùa rồng ở ao trong cung, loại trong thai trứng không bị giết hại, tuy nơi ấm biến hóa dần, cho nên gọi là Thát tế cá (con rái cá), song sau trông mong người vào ao đầm. Lại nói: câu mà không có lưới, ruộng thì không có cá, đều lấy đức trên làm sáng tỏ, ngăn ngừa lỗi lầm dưới. Từ xưa sự trị vì của các vua chúa đều chuộng sự sống làm gốc, thường nghiêm trì giới luật khiến chuyên đề nén không tản mát, kia như dụ dẫn làm lợi cho người, mệnh mông quấy động mà quên trở lại, hại đã rất sâu, pháp không thẳng gian xảo, thiên tai liên tiếp liền bỏ sót lợi lộc một hạt lúa. Cho đến khi thì trời nắng cạn khô thì mưa nước tràn khắp, núi trơ trọi, ao đầm khô cạn, côn trùng bị làm hại, đường sống không trông mong vào đâu, bọn hung bạo mạnh nhóm họp làm loạn, đánh trâu giết chó bán, muốn trộm rượu đâu chỉ bỏ mất bốn nghiệp, khinh suất phần nhiều mạo phạm mắc án tử hình, chẳng cần kiểm chế, ăn uống no nê vị tanh hôi, trời tàn hại sinh mạng, muôn vật phạm vào đạo gia kiêng kỵ rõ ràng, việc ắt tốt đẹp trở lại, bỏ đi lời bàn luận tốt đẹp đời Xuân Thu, thích hợp với chỗ bại hoại ấy ư! Bậc sĩ không có từ bi, đâu bằng giác ngộ nguồn gốc. Lại nói: Phàm có khí huyết đồng một xúc thể, tất cả hằng hà xa cõi cùng một chân tánh, há lại nói lời tự do buông lung lòng ham muốn, kết nghiệp luân hồi, lý kia không hiểu, duyên tâm quán được như kinh Kim Quang Minh có luận giảng rõ ràng. Huống chi khu vực Ngô Việt đất phì nhiêu

gấp bội, lúa má mênh mông, tre gai bạt ngàn, gò đất cao thì cây cỏ tre măngùm tùm tập hợp, nước thì có biển rong rêu rau cỏ, sẵn có đầy đủ để xoay về nơi theo, trâu quý tốt đẹp đông nhiều, cũng không cần phan thai cho báo an lúa, nhai nhấm huyền não cá con, sắc chất mùi vị kia là phủ tạng, mùi cỏ thơm hôi kia là xương tủy, thực khí (thức ăn mùi vị) đã hơn, thịt khô độc càng dày mà tai nạn bệnh hoạn chết yếu cũng chưa hẳn là không do đây. Xét rằng, xưa các bậc Thánh lập pháp là để kiểm chế mọi người, lớn nhỏ sang hèn không cách nhau quá xa, chỉ có vua là ăn thức ăn quý hiếm, chỉ nhân khi tế lễ mới làm thịt súc vật cúng tế để tỏ lòng tôn kính thần thánh, đâu tính liệu đời sau có đụng chạm đến sự chuộng lợi ích lo lắng biết ghi chép cùng tận, quản lý nền gốc trần thiết chạm vẽ nơi những thứ đựng đồ cúng, niêm thị trở về với Thái sơn, cho đến nuôi dưỡng khách ăn ba năm, dò xét tâm trâu một cắt, rong ruổi chạy theo sự ưa thích dục vọng xa xỉ tốt đẹp, hạng hào kiệt đều bắt chước, phong tục càng giả dối, cố nhiên tuy trống rỗng không sống gò hết sức săn bắt, thân thể để làm thành tựu công việc, cho đầy đủ nhu cầu kia, vậy nên biết nguồn gốc nhu cầu kia rất sâu xa, song sẽ có đến dần dần, căn cơ quyền biến không đủ để ngăn chống, bùa rìu ngăn chặn không đủ để dụng oai. Cho nên nói: Người tốt vì nước trăm năm, song rau có thể lấy cái mạnh hơn tàn sát nước lớn do ngã, triều đại lớn còn rộng thứ mà trị vì, do Thánh nối tiếp Thánh, gần sáu mươi năm vâng theo nhân nghĩa trên mà an ổn chúng sinh, dùng đạo lý ôn hòa mà an ủi vỗ về sự hung bạo của thế tục, kính trọng Tam bảo và Trưởng lão, làm ngoại hộ đại hùng. Đại sư hy vọng sớm được trùng phùng hưng thịnh, kết tụ kết quả nhiệm mầu. Cõi kia phúc lộc bí ẩn kính mến thương yêu giúp đỡ nhà cửa, tỏ bày sự bố thí lớn mà không có thế lực, thật sự bằng lòng cậy nhờ hàm linh, cho đó là ích lợi, thích hợp có phô bày rõ ràng cấp cho nhiều nhiều bệnh. Xưa kia tại cấm rừng, tìm kiếm rơi về nghề nghiệp, xoay về lại chịu làm quan nhỏ đợi tội trong ty. Từ khi chịu ghi chép phần nhiều mượn cơ kể đầu đuôi câu chuyện mà không biết, trong thiếu đã quá, nghiêm răn suy nghĩ không kham nổi, trốn tránh nhún nhường lúc ban đầu, nghi ngờ mà lại rộng hun đúc dấu vết Đại sư, thu thập gởi thư hỏi thăm, đốc thúc thuật lại điều ấy, ghi chép vào văn bia để ghi nhớ mãi, vin vào xe ngựa vượt lên trên chỉ thành nhiều câu, cứu xét trình bày tạo ra đáng dấp hay ho, chung cho mọi người xem, đọc thăm đi quanh ao nước lạnh, có chia thành nhiều chương, khen ngợi đã thành văn không sánh kịp ý, tự thẹn cùng với những người tài năng, viết bài minh kia rằng:

Trời đất rộng lớn
Nhân nghĩa Thánh hiền
Vời vợi tôn nghiêm
Đời đời đức độ
Thuận đạo người xưa
Hợp với lòng dân
Điềm lành hưng thịnh
Muôn vật trang nghiêm
Dễ có lòng tin
Sách vở ghi đủ
Đức tin càng thêm
Thấm nhuần lan rộng
Tự tại an vui
Nếu đấm thế tục
Tàn hại càng nhiều
Lân phượng bay đi
Cá kinh quật sóng
Chỉ trời thông minh
Bền cầu bậc thánh
Đất nước đại đồng
Cõi nước yên tịnh
Rực rỡ tổ tông
Chất chồng thêm sáng
Thấm đức đôn hậu
Dung mạo nhân ái
Phục sức theo nam
Thức ăn tươi tốt
Sửa sinh phòng bị
Muôn vật vượn chồi
Nhân tài an tịnh
Ao vàng thông suốt
Dựng thành đê lớn
Luyện lắng trăm trượng
Gió thổi nước đứng
Chiếu soi cảnh tượng
Sớm chiều bố thí
Thành tâm sám hối
Chim cá dạo chơi

*Quét sạch hết sóng Thương sâu đau
xót Trung thực hết lòng Quốc giáo
sánh kịp Kinh sợ xót thương Đầu mối
do đây
Từ xưa đến nay Điều lành đáng kính
Hổ thẹn chẳng lành
Mà được khen thưởng Nhờ thời đại này
Khắc chép ghi nhớ.*

Ngày mười lăm tháng bảy năm Ất Sửu niên hiệu Thiên Thánh năm thứ ba, vị
tăng ở Tráp Khê hiệu Nhân Nhạc ghi chép.

Vâng phụng vua, Đại phu Thượng thư hình bộ lang Trung tu hợp đủ nhân hiền sửa
chữa biên soạn biết rõ Minh Châu, Quân Châu bao gồm buôn bán, thuyền bè qua lại,
quản lý nội hạt khuyến khích việc công nông, làm nền tảng cho nước nhà, được vua
ban dải lụa đỏ buộc cá vàng, do công lao các hiền tài chung sức dựng lập.